

KHỐI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎️ +84 2439724568
✉️ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

Thị trường chứng khoán

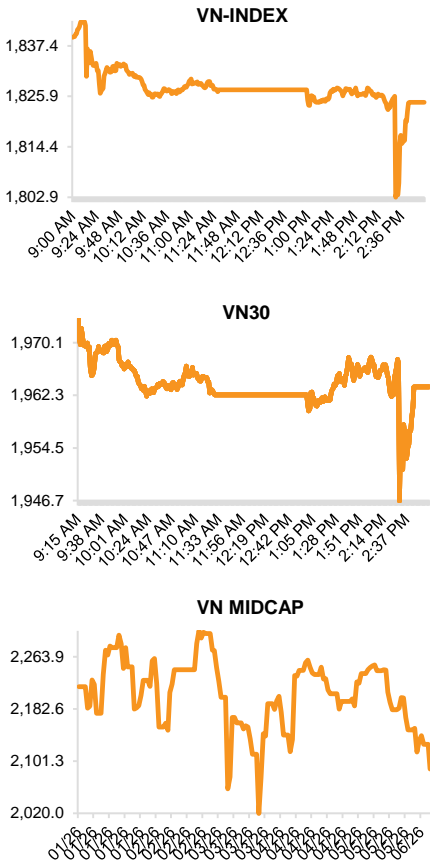
VN-Index điều chỉnh 0,3%, áp lực bán lan rộng

Phiên giao dịch ngày 19/6/2026 ghi nhận VN-Index điều chỉnh nhẹ, đóng cửa tại 1.824,5 điểm, giảm 5,9 điểm (-0,3%). Tính chung cả tuần, VN-Index tăng 32,9 điểm (+1,8%), cho thấy xu hướng tích lũy tích cực trong tuần. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 81 mã tăng (3 mã tăng trần), 66 mã giảm và 203 mã đứng giá. HNX-Index đóng cửa tại 324,8 điểm (-3,4%).

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 1.963,6 điểm (-0,2%), với bảy mã tăng, ba mã đứng giá và 20 mã giảm, cho thấy áp lực điều chỉnh tập trung ở nhóm vốn hóa lớn. Chỉ số VN100 giảm 0,3% về 1.894,9 điểm.

Về diễn biến ngành, chỉ 2 trong 19 nhóm ngành ghi nhận mức tăng, cho thấy áp lực điều chỉnh diện rộng trong phiên cuối tuần. Xây dựng & Vật liệu dẫn đầu chiều giảm với mức giảm 2,5%, theo sau là Viễn thông (-1,1%), Thực phẩm & Đồ uống (-0,9%), Dầu khí (-0,9%), Hóa chất (-0,9%), Dịch vụ bán lẻ (-0,8%). Ở chiều ngược lại, Du lịch & Giải trí là nhóm tăng mạnh nhất với +1,6%, tiếp theo là Ô tô & linh kiện phụ tùng (+0,2%). Bất động sản gần như đứng giá (-0,04%) sau phiên bứt phá mạnh hôm qua.

Thanh khoản khớp lệnh HoSE đạt 15,3 nghìn tỷ đồng, tăng 8,3% so với phiên trước. Khối ngoại bán ròng 1.625,3 tỷ đồng, trong đó VHM là mã bị bán ròng lớn nhất với 817,7 tỷ đồng, tiếp theo là FPT (481,7 tỷ đồng), STB (180,7 tỷ đồng), TCB (128,5 tỷ đồng) và VPB (65,9 tỷ đồng). Ở chiều ngược lại, VPL dẫn đầu chiều mua ròng với 205,0 tỷ đồng, cùng VCK (176,0 tỷ đồng), MSB (89,4 tỷ đồng), VIC (66,4 tỷ đồng) và TCX (55,5 tỷ đồng).



Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.824,5	324,8	127,5
1 ngày (%)	-0,3	-3,4	-0,6
1 tháng (%)	-4,6	25,2	1,1
Từ 2026	2,2	30,6	5,4
1 năm (%)	34,9	42,7	29,0
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	326	18	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	0,7	0,8	0,3
Số mã tăng	81	46	95
Số mã giảm	203	70	113
Số mã tham chiếu	66	76	101

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	Thay đổi (%)				
				1D	1M	YTD	1Y	KL
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,4	182,1	3,6	-0,4	-0,5	-6,0	6,5	130,9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	6,9	18,4	4,7	-0,9	-2,7	-11,9	5,0	111,4
Năng lượng	2,5	14,9	1,8	-0,9	-12,8	42,3	80,5	1,4
Tài chính	37,4	11,7	1,7	-0,4	-2,0	1,7	21,7	14,4
Chăm sóc sức khỏe	0,4	16,2	2,4	-0,2	-2,1	-7,6	-2,1	-60,3
Công nghiệp	7,0	23,3	3,5	-0,2	-3,1	-7,4	27,0	107,6
Công nghệ thông tin	1,6	12,9	3,0	-0,2	-3,8	-23,0	-26,8	0,9
Vật liệu xây dựng	5,8	16,6	1,7	-0,6	-3,1	8,5	10,8	5,5
Bất động sản	29,9	91,7	7,4	0,0	-8,1	15,1	248,7	52,3
Dịch vụ tiện ích	4,0	14,5	2,3	-0,7	-3,8	8,9	13,9	-12,5

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Mỹ:** Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tuần kết thúc 13/6 giảm 4.000 xuống 226.000 đơn (dự báo: 225.000 đơn), song số người tiếp tục nhận trợ cấp tăng lên 1,81 triệu người, cao nhất gần ba tháng, phản ánh tốc độ tuyển dụng mới đang chậm lại.
- **NHTW Anh:** Giữ nguyên lãi suất tại 3,75% trong cuộc họp tháng 6. Hai thành viên bỏ phiếu tăng thêm 25 điểm cơ bản, lo ngại chi phí năng lượng từ xung đột Iran có thể đẩy CPI lên vùng 4,0% cuối năm.
- **Anh:** Doanh số bán lẻ tháng 5 tăng 3,2% svck (tháng 4: +0,1%), nhờ thời tiết ấm và khuyến mãi bán lẻ. Thâm hụt ngân sách tháng 5 đạt £23,3 tỷ, tăng 30% svck và vượt toàn bộ dự báo Reuters. Tỷ lệ thất nghiệp tháng 4 giảm nhẹ còn 4,9% (tháng 3: 5,0%).
- **IEA:** Dự báo thị trường dầu toàn cầu sẽ chuyển từ thiếu hụt khoảng 920.000 thùng/ngày trong năm 2026 sang dư thừa 5,05 triệu thùng/ngày vào năm 2027, khi nguồn cung phục hồi thêm 8 triệu thùng/ngày sau khi eo biển Hormuz mở cửa trở lại, vượt xa mức tăng nhu cầu dự báo chỉ 2 triệu thùng/ngày.
- **Goldman Sachs:** Hạ dự báo giá vàng cuối năm thêm 500 USD xuống 4.900 USD/ounce do Fed dự kiến giữ nguyên lãi suất trong năm 2026; nếu Fed tăng lãi suất, giá vàng có thể về vùng 4.400 USD/ounce.

Tin vĩ mô trong nước

- Trong khuôn khổ Hội nghị Cấp cao kỷ niệm 35 năm quan hệ ASEAN - Nga, Thủ tướng Lê Minh Hưng hội kiến Tổng thống Putin ngày 18/6 tại Kazan, nhất trí thúc đẩy hợp tác năng lượng, thương mại và đầu tư hướng tới kim ngạch 15 tỷ USD.
- Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn tiếp Đại sứ Hàn Quốc Choi Young Sam ngày 18/6, ghi nhận Hàn Quốc tiếp tục là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam với tổng vốn FDI lũy kế đạt 101 tỷ USD đến tháng 5/2026 và kim ngạch thương mại song phương đạt 89 tỷ USD năm 2025.
- MSCI công bố Báo cáo Đánh giá Khả năng Tiếp cận Thị trường Toàn cầu 2026, ghi nhận Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh cải cách thị trường vốn; tuy nhiên toàn bộ 18 tiêu chí đánh giá giữ nguyên so với năm trước, trong đó 8 tiêu chí vẫn ở mức cần cải thiện.

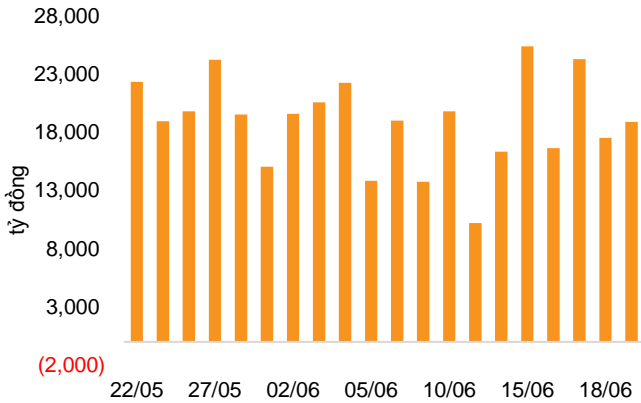
Tin ngành và doanh nghiệp

- **ACV:** Ước doanh thu 6 tháng đầu năm đạt 10.745 tỷ đồng (+2% svck), hoàn thành 51% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế ước đạt 5.863 tỷ đồng, hoàn thành 84% kế hoạch năm.
- **SGN:** Đặt mục tiêu doanh thu năm 2026 1.534 tỷ đồng và LNST 170 tỷ đồng (-18% svck), chấp nhận lợi nhuận thụt lùi để dồn lực chuẩn bị khai thác dịch vụ mặt đất tại sân bay Long Thành.
- **CTR:** Ước lợi nhuận 5 tháng đầu năm gần 270 tỷ đồng, hoàn thành hơn 42% kế hoạch doanh thu năm; doanh thu ngoài tập đoàn Viettel tháng 5 tăng 56% svck, phản ánh chiến lược đa dạng hóa khách hàng đang phát huy hiệu quả.

Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần

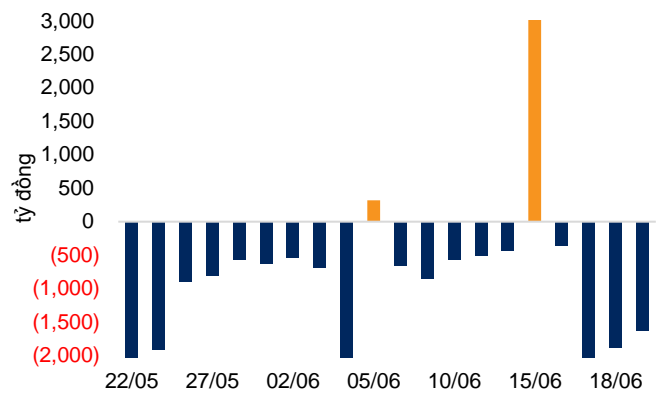
Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba, 16/06/2026	Trung Quốc	Các số liệu vĩ mô tháng 5.2026
Thứ Tư, 17/06/2026	Mỹ	Doanh số bán lẻ tháng 5.2026
Thứ Tư, 17/06/2026	Mỹ	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 6.2026 của Cục Dự Trữ Liên Bang (Fed)
Thứ Năm, 18/06/2026	Việt Nam	Đáo hạn hợp đồng phái sinh tháng 6.2026

Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN



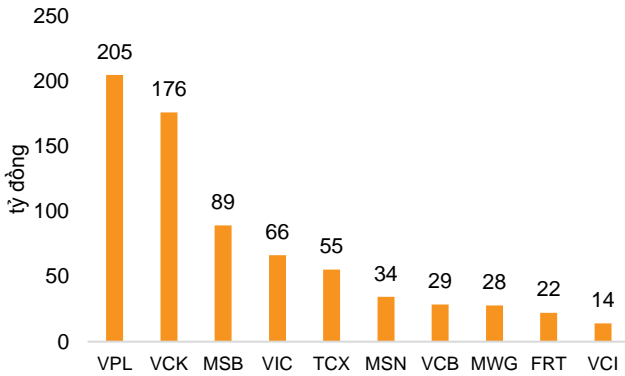
Nguồn: HoSE, VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỎI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN



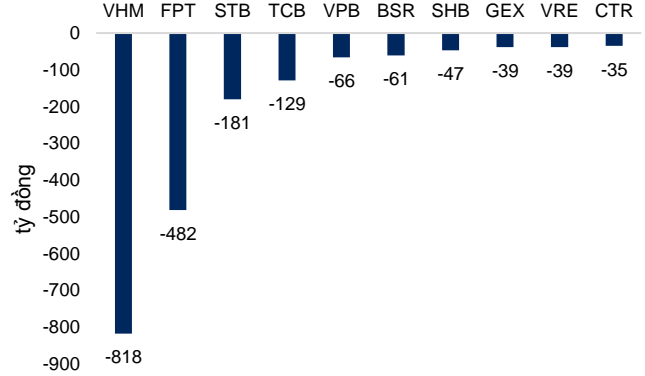
Nguồn: HoSE, VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY



Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY



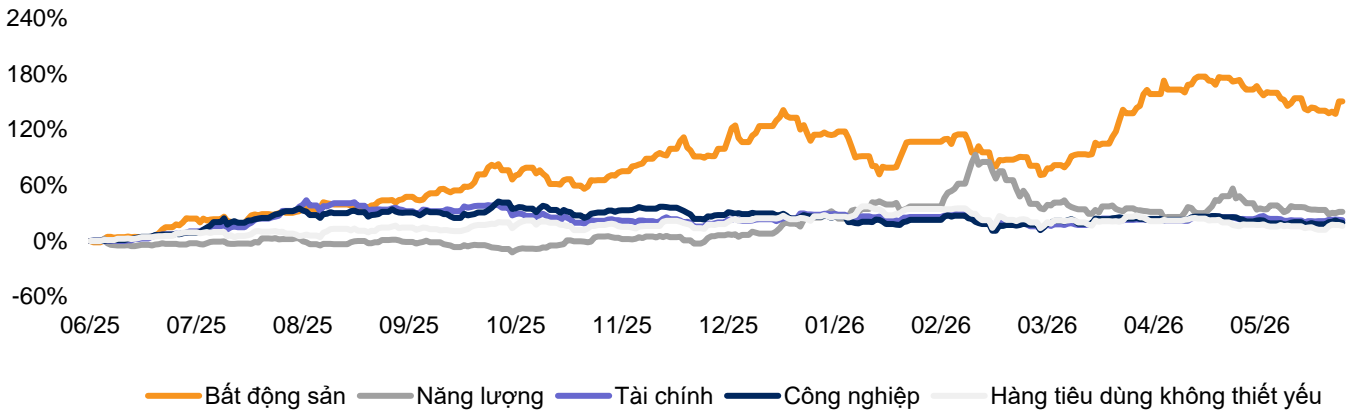
Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	-0,4%	3,1%	20,3	1,6	8,0%	2,2%	172.561	1,4%	17.878	0,5%	6,2%
Ấn Độ	NSE500 Index	-0,3%	-3,0%	24,5	3,3	14,3%	1,2%	11.433	6,5%	-29.763	2,3%	-8,1%
Indonesia	JCI Index	0,1%	-28,6%	14,3	1,6	12,0%	4,1%	1.033	7,0%	-3.769	-0,5%	-7,8%
Singapore	FSTAS Index	-0,4%	11,1%	18,0	1,6	9,3%	4,2%	1.558	1,7%	1.178	-0,7%	-0,3%
Malaysia	FBME Index	0,1%	3,1%	15,6	1,5	9,1%	3,8%	684	3,4%	-569	-3,9%	3,0%
Philippines	PCOMP Index	-0,4%	-2,7%	8,0	0,5	6,3%	3,8%	103	5,8%	-202	1,6%	-5,5%
Thái Lan	SET Index	-0,8%	24,8%	12,8	1,5	8,6%	4,2%	1.841	1,6%	900	-0,6%	-0,2%
Việt Nam	VN-Index	-0,3%	2,2%	15,0	2,1	15,1%	1,4%	723	4,2%	-2.809	0,1%	-0,7%

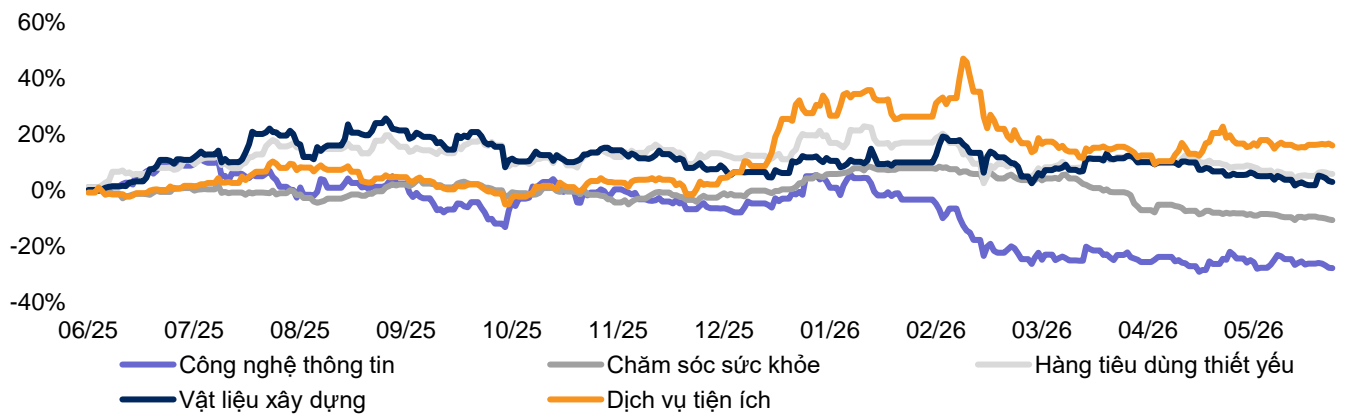
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)



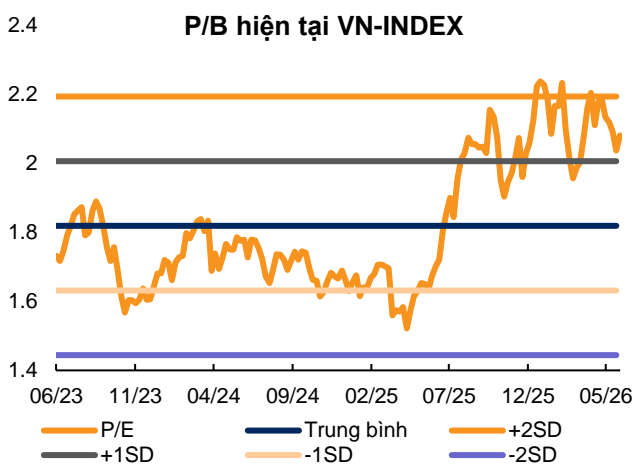
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)



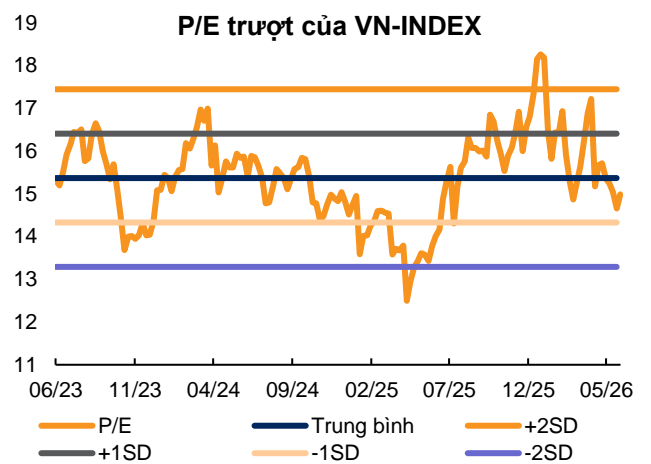
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: P/B HIỆN TẠI



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: P/E TRƯỢT



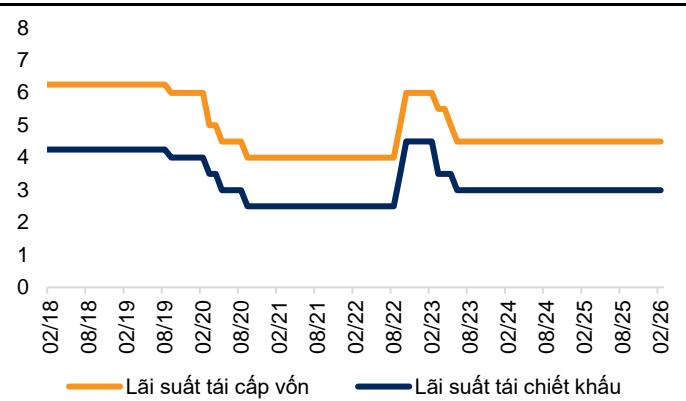
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4,19	0,2	3,4	28,7	58,9
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	4,43	16,6	-23,4	168,5	163,7
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,89	2,2	20,8	-4,4	104,4
USD/VND	26.324	0,0	0,1	-0,1	-0,7
DXY	100,82	0,0	1,5	2,5	
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,45	0,0	-4,6	6,9	1,4
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	4,19	0,0	-0,2	18,5	7,6

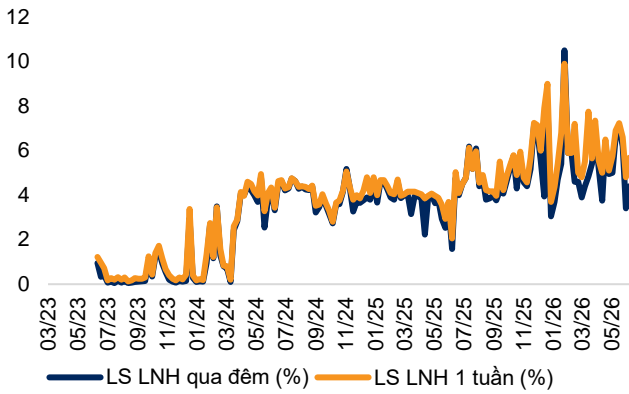
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM



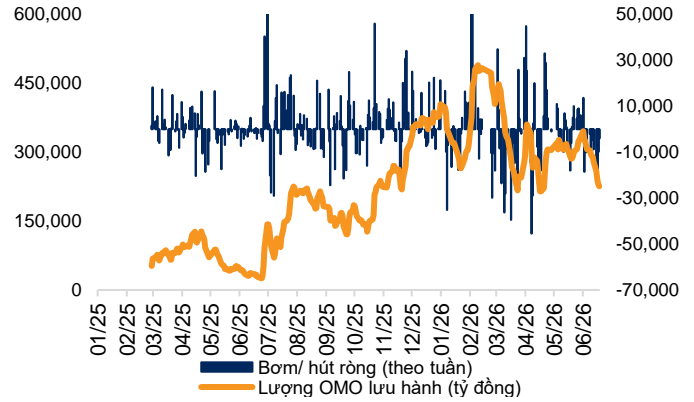
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



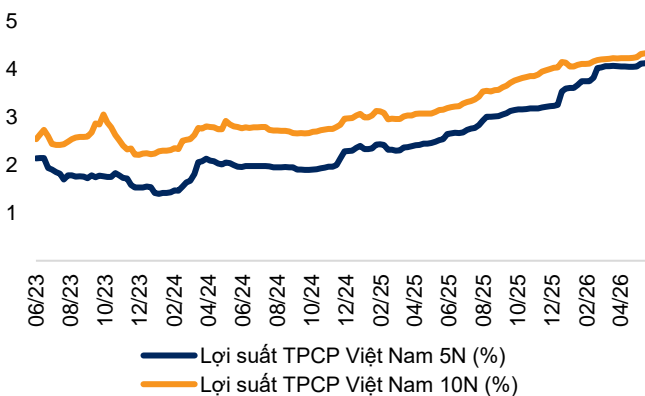
Nguồn: SBV, FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUA KÈNH OMO



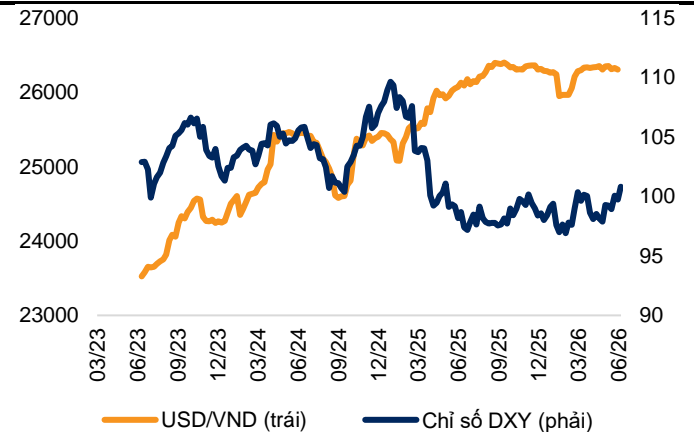
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: TỶ GIÁ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	0,6%	-28,5%	2,6%
Brent Crude	-0,1%	-28,3%	1,2%
JKM LNG	-0,9%	-18,3%	22,3%
Henry Hub LNG	2,7%	-20,1%	7,2%
NW Thermal Coal	-5,2%	0,3%	-10,2%
Singapore Platt FO	-0,8%	-25,7%	12,7%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	-1,3%	-7,5%	23,1%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	-2,1%	-13,2%	75,9%
Bạch kim	-2,1%	-14,0%	27,3%

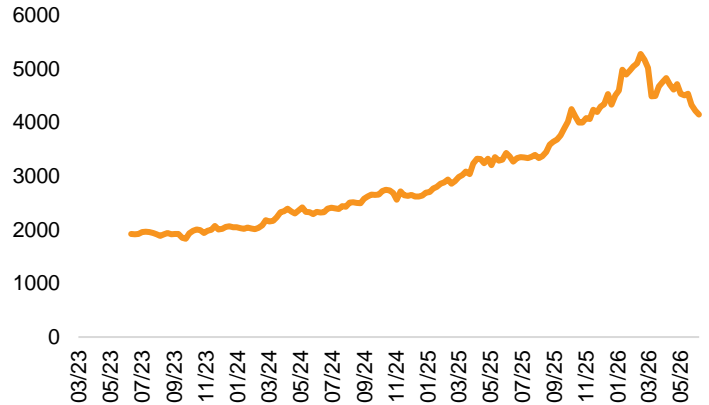
Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	0,0%	3,3%	578,2%
Đồng	-0,5%	3,0%	30,9%
Nhôm	-0,5%	-6,2%	33,5%
Niken	-1,2%	-3,6%	18,7%
Kẽm	0,5%	0,7%	12,8%
Chì	NA	NA	NA
Thép	-0,1%	-0,9%	-0,9%
Quặng sắt	-1,6%	-9,4%	3,9%

Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	2,3%	-4,8%	-10,0%
Arabica	-1,0%	-0,4%	-15,3%
Đường	-1,9%	-7,7%	-14,4%
Cacao	0,0%	9,3%	-57,2%
Dầu cọ	1,6%	1,2%	NA
Bông	-1,1%	-9,1%	17,3%
Sữa bột	0,5%	-5,2%	-13,9%
Lúa mì	-1,1%	-8,8%	5,5%
Đậu tương	-0,8%	-7,4%	4,5%
Hạt điều	NA	0,0%	-2,6%
Cao su	-0,2%	8,1%	41,9%
Urê	0,0%	-36,0%	12,1%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	0,4%	-3,6%	-15,3%
Gia súc	-0,4%	0,6%	13,6%

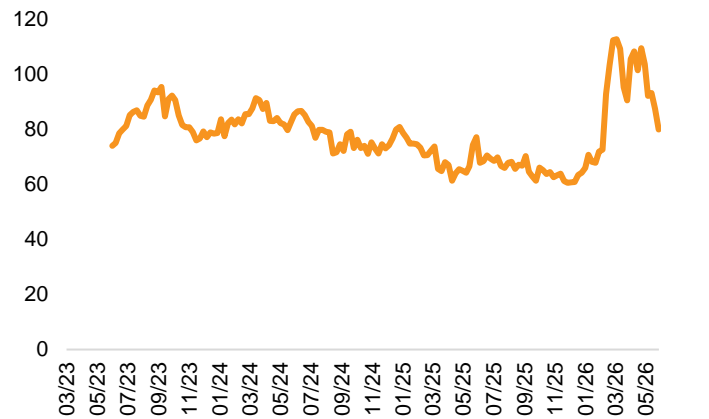
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: GIÁ VÀNG



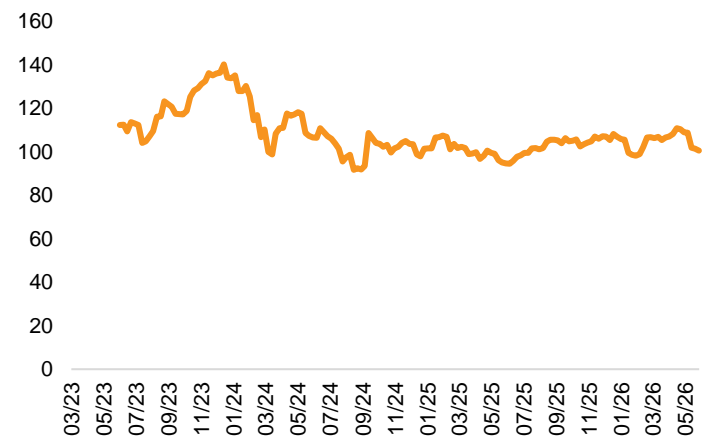
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: GIÁ DẦU BRENT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	6.015	1,3	2.840	44.200	73.300	67,1%	1,2%	14,8	2,2	16%
AST	122	0,0	4	71.500	85.400	20,8%	1,4%	10,9	4,7	47%
HVN	2.742	0,7	595	23.200	43.400	89,8%	2,7%	8,5	7,0	
VJC	4.105	7,9	968	140.500	113.600	-18,6%	0,5%	42,1	4,2	11%
Bán lẻ										
BAF	413	2,5	194	29.800	37.200	24,8%		47,3	2,5	5%
DGW	338	2,1	87	40.250	49.600	25,7%	2,5%	13,8	2,5	19%
FRT	841	2,0	149	130.000	150.300	15,9%	0,3%	24,2	5,0	28%
MCH	6.221	1,7		126.500	147.000	17,8%	1,6%	23,9	9,5	42%
MWG	4.351	18,0	1	78.000	96.300	24,7%	1,3%	14,0	3,2	25%
PNJ	1.304	3,5	12	67.100	109.900	64,8%	1,0%	9,8	2,4	28%
QNS	679	0,2	275	48.600	53.400	14,0%	4,1%	8,0	1,4	18%
SAB	2.346	1,3	970	48.150	59.900	30,6%	6,2%	13,2	2,8	21%
VHC	458	1,5	339	57.500	71.300	27,5%	3,5%	8,6	1,3	16%
VNM	4.684	8,0	2.398	59.000	74.800	29,9%	3,1%	13,4	3,8	28%
Tài chính										
ACB	4.895	17,0	268	22.200	31.300	43,8%	2,8%	7,9	1,3	18%
BID	11.560	11,3	1.436	41.800	47.200	14,0%	1,1%	9,5	1,6	18%
CTG	9.958	10,5	507	33.750	49.000	46,1%	0,9%	6,9	1,4	22%
HDB	4.782	11,8	263	25.150	39.500	59,6%	2,6%	6,9	1,6	25%
LPB	5.447	2,5	215	48.000	33.400	-24,2%	6,3%	12,8	2,9	23%
MBB	7.650	14,4	63	25.000	32.900	33,6%	2,0%	7,3	1,4	21%
STB	5.178	15,9	943	72.300	45.700	-35,9%	0,9%	17,8	2,2	8%
TCB	8.332	13,9	41	30.950	40.300	32,5%	2,3%	8,4	1,2	16%
TPB	1.707	5,9	108	16.200	17.800	15,8%	5,9%	6,1	1,0	18%
VCB	19.585	16,9	1.904	61.700	69.300	13,0%	0,7%	14,3	2,2	16%
VIB	2.075	4,3	12	16.050	23.600	52,6%	5,6%	7,2	1,1	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	7.806	15,1	453	25.900	37.100	45,2%	1,9%	7,8	1,2	16%
Dệt may										
MSH	147	0,2	63	34.450	40.600	20,8%	2,9%	6,3	1,9	32%
TCM	90	0,8	2	20.150	29.800	50,3%	2,4%	10,3	1,0	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2.096	1,0	696	53.300	68.600	30,8%	2,1%	16,4	2,5	16%
GMD	1.248	4,0	95	77.000	72.000	-3,6%	2,9%	18,8	2,4	13%
HAH	346	1,7	67	54.000	55.400	4,0%	1,4%	7,5	2,0	27%
VSC	273	4,1	130	19.200	19.100	2,1%	2,6%	26,3	1,4	6%
IDC	607	2,8	199	42.100	45.600	11,9%	3,6%	8,6	2,4	31%
KBC	1.073	4,0	438	30.000	30.000	1,3%	1,3%	18,3	1,1	7%
PHR	335	1,0	121	65.000	68.400	7,3%	2,1%	13,3	2,0	16%
VTP	427	1,5	278	65.000	129.200	100,0%	1,2%	32,8	6,1	19%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	698	6,4	309	48.400	128.300	171,3%	6,2%	7,5	1,2	17%
HPG	7.569	28,5	2.074	23.600	30.000	29,0%	1,9%	9,4	1,4	16%
Dầu khí										
BSR	4.955	14,8	2.354	26.050	16.700	-34,2%	1,7%	10,0	1,9	21%
GAS	7.443	5,9	3.492	81.200	78.400	-0,9%	2,5%	16,9	2,8	18%
OIL	542	1,8	35	13.800	14.800	9,1%	1,8%	40,2	1,4	3%
PLX	1.866	6,6	107	38.650	47.700	26,5%	3,1%	30,0	1,9	7%
PVD	656	4,8	271	31.050	32.600	13,0%	8,1%	14,7	1,0	7%
PVS	758	6,4	251	39.000	41.800	8,9%	1,7%	10,3	1,3	13%
PVT	399	5,5	143	20.300	23.400	16,3%	1,0%	9,2	1,2	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	607	4,6	277	23.500	22.700	0,3%	3,7%	13,9	1,4	11%
DCM	736	5,9	296	36.600	40.000	14,8%	5,5%	9,5	1,7	19%
DDV	145	0,7	66	26.100	39.700	58,6%	6,5%	6,0	1,7	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	65	0,3	32	21.100	34.100	64,0%	2,4%	310,2	1,4	0%
Điện										
POW	1.620	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
Điện và BĐS										
HDG	322	2,2	105	20.800	37.400	82,0%	2,2%	12,7	1,3	10%
PC1	332	6,8	135	21.250	26.500	24,7%	0,0%	8,6	1,3	17%
REE	1.193	2,4	0	50.400	76.600	53,7%	1,7%	11,9	1,5	13%
Bất động sản										
DXG	641	8,7	155	13.300	18.300	52,6%	15,0%	71,3	1,2	2%
KDH	981	4,1	242	23.000	41.800	83,0%	1,3%	23,0	1,4	6%
NLG	499	2,7	47	27.050	42.200	57,9%	1,8%	20,0	1,0	6%
VHM	22.672	29,5	9.633	145.300	93.600	-31,5%	4,1%	9,2	2,3	28%
VRE	2.534	8,1	925	29.350	32.000	12,4%	3,4%	9,7	1,3	15%
Công nghệ										
FPT	4.627	28,5	909	71.500	118.200	66,7%	1,4%	12,6	3,1	27%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**Hội sở**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA